

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

HÀ THỊ TUYẾN

**PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI NÔNG DÂN NÔNG THÔN
VÀ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG ĐIỀU KIỆN
XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN**

Chuyên ngành : Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

Mã số : 60 38 01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2011

Công trình đã được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: GS.TSKH Đào Trí Úc

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2011.

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các chữ viết tắt</i>	
<i>Danh mục các bảng</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI NÔNG DÂN NÔNG THÔN VÀ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	8
1.1. Những khái niệm cơ bản về phổ biến, giáo dục pháp luật	8
1.1.1. Khái niệm phổ biến, giáo dục pháp luật	8
1.1.2. Mục đích, yêu cầu của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	9
1.1.2.1. Mục đích của việc phổ biến, giáo dục pháp luật	9
1.1.2.2. Yêu cầu đối với việc phổ biến, giáo dục pháp luật	12
1.1.3. Chủ thể và đối tượng của phổ biến, giáo dục pháp luật	17
1.1.4. Nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật	19
1.2. Đặc điểm của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số và quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về công tác này	25
1.2.1. Đặc điểm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta	25
1.2.2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số	35
1.3. Vị trí, vai trò của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong thời kỳ xây dựng nhà nước pháp quyền	38
Chương 2: THỰC TRẠNG PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI NÔNG DÂN NÔNG THÔN VÀ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	45
2.1. Đặc điểm điều kiện Chính trị- kinh tế- xã hội đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta	45
2.2. Thực trạng công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta trong thời gian qua	53
2.2.1. Thực trạng về công tác giáo dục pháp luật cho người nông dân	53

2.3. Đánh giá thực trạng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số trong thời gian qua	77
2.3.1. Ưu điểm	77
2.3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân	79
2.3.3. Bài học kinh nghiệm	82
Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN CỦA VIỆC TĂNG CƯỜNG PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI NÔNG DÂN NÔNG THÔN VÀ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở NƯỚC TA	84
3.1. Yêu cầu đặt ra đối với việc tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số	84
3.2. Phương hướng cụ thể đối với việc tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số	85
3.2.1. Xây dựng, hoàn thiện thể chế về công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số	85
3.2.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật	86
3.2.3. Phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ, thực hiện nghiêm túc giáo dục công dân trong nhà trường	89
3.2.4. Đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất cho công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số	90
3.2.5. Phát huy sức mạnh, tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số	90
3.2.6. Kiểm tra, giám sát; định kỳ sơ kết, tổng kết việc tổ chức thực hiện kế hoạch	91
3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta trong thời gian tới	92
3.3.1. Phổ biến giáo dục pháp luật bằng hình thức tuyên truyền miệng	92
3.3.2. Phổ biến giáo dục pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng	94
3.3.3. Phổ biến giáo dục pháp luật thông qua công tác hòa giải ở cơ sở	98
3.3.4. Phổ biến giáo dục pháp luật thông qua việc thực hiện hương ước, quy ước tại cộng đồng dân cư	101
3.3.5. Phổ biến giáo dục pháp luật thông qua luật tục, phong tục tập quán	104
3.3.6. Phổ biến giáo dục pháp luật thông qua hoạt động của các luật sư, luật gia	108
3.3.7. Phổ biến giáo dục pháp luật thông qua hoạt động xét xử của Tòa án	110
3.3.8. Phổ biến giáo dục pháp luật thông qua trợ giúp pháp lý	112
3.3.9. Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua việc xây dựng tủ sách	113

pháp luật ở cơ sở	
KẾT LUẬN	117
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	120
PHỤ LỤC	123

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL) là một trong những công tác quan trọng trong đời sống xã hội, đặc biệt là thời kỳ xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN). PBGDPL là chiếc cầu nối và là phương tiện không thể thiếu trong việc nâng cao tri thức pháp luật, ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật của mọi tầng lớp nhân dân.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng pháp luật trong quản lý nhà nước và xã hội, mặt khác Người quan tâm đặc biệt đến giáo dục ý thức tiến bộ cho nhân dân trong đó bao gồm ý thức về pháp luật, Người kêu gọi: "Mọi người dân Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công việc xây dựng nhà nước". Người cũng cho rằng chấp hành pháp luật là nghĩa vụ cao cả của công dân và đòi hỏi công dân phải cùng nhau ra sức giữ gìn trật tự, tuyệt đối tuân theo mệnh lệnh của Chính phủ.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V chỉ rõ: "Các cấp ủy đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể phải thường xuyên giải thích pháp luật trong các tầng lớp nhân dân, đưa việc giáo dục pháp luật vào các trường học, các cấp học, xây dựng ý thức sống có pháp luật và tôn trọng pháp luật". Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI - Đại hội của đường lối đổi mới toàn diện đất nước khẳng định rõ vai trò của công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật (GDPL): "Coi trọng công tác giáo dục, tuyên truyền, giải thích pháp luật, đưa việc dạy pháp luật vào hệ thống các trường của Đảng, của Nhà nước để kể cả các trường phổ thông, đại học, của các đoàn thể nhân dân. Cán bộ quản lý các cấp từ trung ương đến đơn vị cơ sở phải có kiến thức pháp luật, cần sử dụng nhiều hình thức và biện pháp để giáo dục, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và làm tư vấn pháp luật cho nhân dân".

Trong công cuộc đổi mới, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, công tác PBGDPL càng có ý nghĩa quan trọng và được quan tâm nhiều hơn ở mọi cấp, mọi ngành. Công tác PBGDPL tốt sẽ giúp mọi người hiểu biết pháp luật, chấp hành pháp luật và luôn có ý thức: "sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật", góp phần tích cực

trong ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững ở từng địa phương nói riêng và cả nước nói chung.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã khẳng định: "Phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế, quản lý xã hội bằng pháp luật, tuyên truyền, giáo dục pháp luật, tuyên truyền, giáo dục toàn dân, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật" [15].

Thực hiện Chỉ thị số 32CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân", chương trình PBGDPL của Chính phủ từ năm 2008- 2010 và Nghị quyết liên tịch số 01 ngày 07/9/1999 về việc phối hợp PBGDPL cho cán bộ, nhân dân ở nông thôn, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người. Chương trình 212 với đề án "Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số từ năm 2008-2012"... trong những năm qua, chính quyền và ngành tư pháp các cấp đã nghiêm túc triển khai thực hiện. Lực lượng cán bộ làm công tác PBGDPL được kiện toàn, củng cố, ngày càng đảm bảo về số lượng và chất lượng. Hình thức và phương pháp tuyên truyền ngày càng phong phú không ngừng được cải tiến phù hợp với từng địa phương. Góp phần đẩy lùi các tệ nạn xã hội, từng bước ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thực hiện thắng lợi mục tiêu: "Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân".

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực và thành tựu đã đạt được, công tác PBGDPL cũng còn nhiều tồn tại, hạn chế như: Đội ngũ cán bộ làm công tác này còn hạn chế, nội dung tuyên truyền chưa đầy đủ, hình thức, phương pháp tuyên truyền chưa mang lại hiệu quả cao. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài, "***Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số***", mang tính cấp thiết, không những về lý luận, mà còn là đòi hỏi của thực tiễn hiện nay. Đặc biệt là trong giai đoạn nước ta đang có chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, xây dựng nông thôn mới cho vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số.

Là người trực tiếp tham gia công tác tuyên truyền PBGDPL cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số ngay từ khi được tuyển dụng vào Phòng Tư pháp UBND huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở các kiến thức tiếp thu được trong quá trình theo học khóa đào tạo cao học luật, tôi chọn đề tài "Phổ biến pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số trong xây điều kiện dựng nhà nước pháp quyền" làm luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong nhiều năm qua, nghiên cứu về công tác tuyên truyền, PBGDPL cũng đã có nhiều tài liệu, công trình nghiên cứu. Chẳng hạn như:

- "Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật", Nxb Văn hóa dân tộc, do Bộ Tư pháp - Chương trình phát triển Liên hợp quốc;

- "Giáo dục ý thức pháp luật với việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa", Luận án tiến sĩ luật của Trần Ngọc Đường.

- "Ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa và giáo dục pháp luật cho nhân dân lao động ở Việt Nam", Luận án phó tiến sĩ luật của Nguyễn Đình Lộc.

- "Giáo dục pháp luật cho nhân dân" của tác giả Nguyễn Ngọc Minh (Tạp chí Cộng sản, số 10, tr.34-38, năm 1983).

- "Giáo dục ý thức pháp luật để tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và xây dựng con người mới" của Phùng Văn Tửu (Tạp chí Giáo dục lý luận, số 4, tr. 18-22, năm 1985);

- "Giáo dục ý thức pháp luật" của Nguyễn Trọng Bích (Tạp chí Xây dựng Đảng, số 4, tr. 34-35, năm 1989);

- "Tìm kiếm mô hình phổ biến giáo dục pháp luật có hiệu quả trong một số dân tộc ít người", đề tài khoa học cấp Bộ của Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý;

- "Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp ở Việt Nam", Luận án phó tiến sĩ của Dương Thị Thanh Mai;

- "Bàn về giáo dục pháp luật" của phó tiến sĩ Trần Ngọc Đường - Dương Thị Thanh Mai, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

- "Xã hội hóa công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong tình hình mới" của Hồ Viết Hiệp (Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 9/2000).

- "Xây dựng lối sống theo pháp luật và vấn đề giáo dục pháp luật trong nhà trường", Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 11/2001, v.v...

Tuy nhiên các tài liệu này hoặc mới chỉ dừng lại ở mức đưa ra khái niệm và lý thuyết về công tác này, hoặc nếu có thì chỉ nghiên cứu trong một phạm vi địa phương nhất định mà chưa bao quát được thực trạng về PBGDPL cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số trong phạm vi cả nước. Do đó việc nghiên cứu về vấn đề về tuyên truyền, PBGDPL cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta là rất cần thiết. Điều này sẽ được đề cập một cách thấu đáo trong luận văn ở những chương tiếp theo.

3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

3.1. Mục đích

Mục đích của luận văn là trên cơ sở lý luận và thực tiễn công tác tuyên truyền, PBGDPL cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số để đề xuất những giải pháp mang tính hệ thống, đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả của công tác này.

3.2. Nhiệm vụ của luận văn

Để đạt được mục đích trên, tác giả luận văn đã đặt ra và giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Làm rõ các khái niệm, các đặc điểm, mục đích và yêu cầu của công tác tuyên truyền, PBGDPL nói chung và đặc trưng của công tác tuyên truyền PBGDPL cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phân tích và đánh giá đúng thực trạng, nguyên nhân công tác tuyên truyền, PBGDPL cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đề xuất hệ thống các giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác này.

3.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

Luận văn nghiên cứu vấn đề: "*Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số trong xây dựng nhà nước pháp quyền*".

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của luận văn là hệ thống quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng

Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và công tác PBGDPL, đặc biệt là các đề án về PBGDPL cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số.

Cơ sở thực tiễn của luận văn là các báo cáo, các số liệu thống kê của các cấp ủy đảng, chính quyền về công tác tuyên truyền PBGDPL.

Phương pháp luận của luận văn là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Trong khi thực hiện đề tài, tác giả sử dụng các phương pháp: lịch sử, lôgic, hệ thống, thống kê, phân tích, tổng hợp, so sánh pháp luật, điều tra xã hội...

5. Những đóng góp mới của luận văn

- Đây là công trình chuyên khảo đầu tiên, nghiên cứu tương đối có hệ thống những vấn đề lý luận về PBGDPL cho người dân nông thôn và các dân tộc ít người ở miền núi.

- Phân tích đánh giá thực trạng PBGDPL, đồng thời rút ra những kinh nghiệm về PBGDPL cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc ít người ở miền núi.

- Đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả và tăng cường PBGDPL cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc ít người ở miền núi.

6. Ý nghĩa của luận văn

Kết quả nghiên cứu và những đề xuất được nêu trong luận văn, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn trong việc nâng cao hiệu quả tuyên truyền, PBGDPL cho người dân nói chung, người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta nói riêng. Thông qua công trình nghiên cứu này, tác giả mong muốn đóng góp một phần nhỏ công sức của mình vào công tác tuyên truyền PBGDPL trong thời kỳ đẩy mạnh xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay.

Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho cán bộ làm công tác nghiên cứu, giảng dạy về công tác pháp luật và các cán bộ thực tiễn đang công tác tại các cơ quan bảo vệ pháp luật...

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận của việc phổ biến, giáo dục pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay.

Chương 2: Thực trạng phổ biến, giáo dục pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay,

Chương 3: Phương hướng và các giải pháp cơ bản của việc tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI NÔNG DÂN NÔNG THÔN VÀ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

1.1. Khái lược về phổ biến, giáo dục pháp luật, vị trí vai trò của công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong đời sống xã hội nói chung và trong quản lý nhà nước nói riêng.

1.1.1. Khái niệm chung về phổ biến, giáo dục pháp luật

Phổ biến, giáo dục pháp luật là một từ ghép hai từ phổ biến pháp luật và giáo dục pháp luật.

Phổ biến pháp luật có hai nghĩa:

- Nghĩa hẹp: Là giới thiệu tinh thần văn bản pháp luật cho đối tượng của nó.

- Nghĩa rộng: Là truyền bá pháp luật cho mọi tầng lớp nhân dân trên cả nước.

Trong các văn bản của ta, nghĩa này được sử dụng nhiều hơn nghĩa hẹp.

Giáo dục pháp luật là một khái niệm rộng bao gồm cả quá trình nâng cao tri thức pháp luật cho đối tượng và bằng mọi cách (thuyết phục, nêu gương, ám thị...) hình thành tình cảm, niềm tin pháp luật cho đối tượng, từ đó nâng cao ý thức pháp tôn trọng pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của đối tượng.

Cả cụm từ phổ biến, giáo dục pháp luật có hai nghĩa:

- Nghĩa hẹp: Là việc truyền bá pháp luật cho đối tượng nhằm nâng cao tri thức, tình cảm, niềm tin pháp luật cho đối tượng, từ đó nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của đối tượng.

- Nghĩa rộng: Là công tác, lĩnh vực, ngành (theo nghĩa thông thường mà không phải nghĩa trong pháp luật về cán bộ công chức) phổ biến giáo dục pháp luật bao gồm tất cả các công đoạn phục vụ cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật:

Trong luận văn này, cụm từ phổ biến, giáo dục pháp luật được dùng cả hai nghĩa:

Trong: "Hình thức phổ biến giáo dục pháp luật", phổ biến giáo dục pháp luật có nghĩa hẹp.

Trong: "Nghịệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật", phổ biến, giáo dục pháp luật có nghĩa rộng:

1.1.2. Mục đích, yêu cầu của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

1.1.2.1. Mục đích của việc phổ biến, giáo dục pháp luật

- Nâng cao hiểu biết pháp luật cho đối tượng.
- Hình thành lòng tin vào pháp luật cho đối tượng:
- Nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật của đối tượng:
- 1.1.2.2. Yêu cầu đối với việc phổ biến, giáo dục pháp luật
- Yêu cầu chung đối với việc phổ biến, giáo dục pháp luật.
- + Đề cao tính Đảng trong phổ biến, giáo dục pháp luật:
- + Đảm bảo tính khoa học, tính chuẩn xác, truyền đạt trung thành văn bản.
- + Bảo đảm tính đại chúng:
- Yêu cầu đối với người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;
- Có kiến thức pháp lý nhất định:
- Có nhiệt tình, tâm huyết, tận tụy với công tác phổ biến, giáo dục
- Có khả năng nói và viết:
- Có khả năng hòa đồng và giao tiếp:
- Biết tích lũy tư liệu, tri thức.
- Có kiến thức nhất định về tâm lý học tuyên truyền:

1.1.3. Chủ thể và đối tượng của phổ biến, giáo dục pháp luật

Trong hoạt động PBGDPL những người (cá nhân, tổ chức) theo chức năng của mình tham gia vào việc truyền thụ phổ biến pháp luật như giảng dạy, trình

bày, giải thích pháp luật gọi là chủ thể, những người thụ hưởng, học tập, nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật gọi là đối tượng.

1.1.4. Nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Nội dung PBGDPL:

Trên thực tế, việc xác định nội dung PBGDPL phải dựa trên nhu cầu, điều kiện, đặc điểm của đối tượng giáo dục mới có hiệu quả. Trên phương diện lý luận thì việc xác định nội dung PBGDPL do chủ thể quyết định. Vì nội dung đó phát sinh từ nhu cầu quản lý nhà nước bằng pháp luật, từ yêu cầu của việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu chính trị, kinh tế- xã hội, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước. Ngoài ra, còn phải căn cứ vào thực trạng ý thức pháp luật của người dân, điều kiện và khả năng tiếp thu của họ để xác định nội dung giáo dục từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, rộng nhiều nội dung nhỏ để thực hiện nội dung phong phú đa dạng hơn, nhiều lĩnh vực pháp luật hơn.

- Hình thức, phương pháp PBGDPL:

Để đối tượng được PBGDPL tiếp nhận được tri thức pháp luật từ đó làm biến đổi về chất trong nhận thức của họ thì bản thân mục đích và nội dung của PBGDPL không thể tự nó đi vào nhận thức. Vấn đề là ở chỗ cần phải thông qua các phương thức truyền tải thông tin, các hình thức giao tiếp giữa chủ thể giáo dục vào đối tượng giáo dục khác nhau.

Hiện nay có rất nhiều hình thức để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đó là tuyên truyền PBGDPL qua nhà trường, qua báo chí, mạng lưới truyền thanh cơ sở, qua hoạt động hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý và tư vấn pháp luật... Mỗi hình thức tuyên truyền PBGDPL đều có những đặc thù và kỹ năng riêng. Chúng ta có thể tham khảo một số hình thức cơ bản sau:

- Tuyên truyền miệng trong PBGDPL
- PBGDPL qua mạng lưới truyền thanh cơ sở
- PBGDPL qua báo chí
- PBGDPL qua mạng internet:
- PBGDPL qua xét xử tại Tòa án:

- PBGDPL thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở:
- Lồng ghép PBGDPL qua hoạt động Tư vấn pháp luật:
- PBGDPL qua Trợ giúp pháp lý.
- PBGDPL qua câu lạc bộ pháp luật:
- Biên soạn sách pháp luật:
- Thi Tìm hiểu pháp luật:

1.2. Đặc điểm của công tác và phổ biến, giáo dục pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số và quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về công tác này

1.2.1. Đặc điểm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta.

Đặc điểm thứ nhất: Đối tượng GDPL ở đây là người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số sống trên phạm vi cả nước Việt Nam.

Như vậy, đối tượng GDPL ở đây chủ yếu là người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số mà không phải là cán bộ công chức. Người dân và đồng bào ở đây là những người từ 6 tuổi trở lên, có hộ khẩu thường trú và tạm trú tại một địa bàn nhất định. Họ là nông dân, công nhân, là người lao động khác ở các lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội trong phạm vi một địa phương nhất định..

Tâm lý của người dân nông thôn và dân tộc ít người thường hay tự ti, bảo thủ, bao gồm cả tư tưởng cục bộ địa phương, địa phương chủ nghĩa, các cộng đồng, các cụm dân cư, dòng họ có phong tục tập quán riêng biệt.

Trình độ văn hóa và hiểu biết pháp luật còn thấp, chưa có ý thức tự giác trong việc tìm hiểu và nghiên cứu pháp luật.

Đặc điểm thứ hai: Chủ thể GDPL cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số.

Chủ thể PBGDPL là người truyền thụ, hướng dẫn, giải thích pháp luật cho nhân dân. Nếu PBGDPL là một dạng tổ chức thực hiện pháp luật, tăng cường pháp chế XHCN thì trách nhiệm về tình hình thực hiện pháp luật trước hết thuộc về các cơ quan nhà nước. PBGDPL cho nhân dân vì thế là nhiệm vụ của nhà nước. Cụ thể Ủy ban nhân dân các cấp là chủ thể tuyên truyền GDPL cho nhân dân. Thực hiện nhiệm vụ này UBND giao cho Sở Tư pháp, phòng Tư pháp ở địa phương.

Các luật sư, luật gia không phải là cán bộ, công chức có nghĩa vụ hành nghề chuyên trách. Chủ thể này cần phải đưa họ vào trong đội ngũ báo cáo viên pháp luật bởi họ có trình độ pháp lý vững và thông qua hoạt động tư vấn, bào chữa các luật gia, luật sư đã góp phần hết sức quan trọng vào công tác GDPL.

Đặc điểm thứ ba: Nội dung GDPL cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc ít người.

Đối với đối tượng là người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay theo tôi cần tập trung phổ biến, giáo dục một số nội dung cụ thể như sau:

- Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người công dân.
- Các chế độ, chính sách mà Đảng và nhà nước đặc biệt ưu tiên cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số

- Các đạo luật cơ bản: Luật hình sự, Bộ luật dân sự, Luật đất đai, Luật hôn nhân gia đình, Luật biên giới hải đảo, bảo vệ phát triển rừng, phòng chống ma túy, pháp luật về hôn nhân gia đình, phát huy tập quán tốt đẹp, tăng cường tình làng nghĩa xóm tại cộng đồng dân cư....

- Pháp lệnh về dân chủ ở xã, phường, thị trấn...

- Nội dung GDPL đan xen gắn kết với nội dung giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức.

- Phê phán các luật tục lạc hậu, trái với pháp luật của nhà nước, với lợi ích của xã hội, tập thể, kìm hãm văn minh tiến bộ.

- GDPL về đoàn kết các dân tộc, đoàn kết toàn dân...

Ngoài những nội dung nêu trên, chủ thể PBGDPL cần hướng dẫn nhân dân thực hiện đúng tập quán tốt đẹp, các luật tục còn phù hợp với pháp luật, hương ước, quy ước tại cộng đồng dân cư. Đồng thời chỉ ra cho nhân dân thấy được những hủ tục lạc hậu, những luật tục trái với lợi ích của cộng đồng và pháp luật của nhà nước trong giai đoạn mới hiện nay.

Đặc điểm thứ tư: Các hình thức và phương pháp giáo dục.

- Giáo dục thông qua giảng dạy pháp luật trong nhà trường.

- Giáo dục thông qua các dạng hoạt động xã hội như xây dựng gia đình văn hóa hay các cuộc vận động có tính phong trào trong nhân dân.

- GDPL thông qua các lễ hội.
- Tổ chức các sinh hoạt đoàn thể.
- Giáo dục pháp luật thông qua công tác hòa giải.
- Giáo dục pháp luật thông qua hoạt động báo chí tuyên truyền.
- Giáo dục pháp luật thông qua một số loại hình trường học.
- Giáo dục pháp luật thông qua các sinh hoạt truyền thống

Đặc điểm thứ năm: cần nhấn mạnh là PBGDPL cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số gắn liền với sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền

Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là nhà nước của dân, do dân và vì dân, là tổ chức quyền lực chính trị của giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức XHCN, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tất cả các chính sách, pháp luật của nhà nước đều được xây dựng và thực hiện xuất phát từ lợi ích của con người, cho con người, vì con người. lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân".

Muốn cho người dân tham gia giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, thực hiện tốt nghĩa vụ của người công dân trong nhà nước pháp quyền thì cần PBGDPL cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số

1.2.2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta

- *Trước 1998:* Trong thời gian này chưa có quy định riêng về PBGDPL cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số.

- *Giai đoạn từ 1998 đến 2002:* Cơ sở pháp lý về PBGDPL cho các đối tượng, địa bàn đặc thù được xây dựng để đáp ứng yêu cầu công tác này trong thời kỳ mới. Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc và Hội nông dân Việt Nam đã ký kết Nghị quyết liên tịch số: 01/1999/NQLT-TP-VHTT-NNPTNT- DTMN- ND ngày 07/9/1999 về việc phối hợp PBGDPL cho cán bộ và nhân dân ở nông thôn, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người.

- *Giai đoạn từ năm 2003 đến nay:* Đây là giai đoạn tăng cường xây dựng thể chế trực tiếp về PBGDPL.

- Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 32- CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ và nhân dân.

- Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 212/2004/QĐ-TTg ngày 16/12/2004 phê duyệt chương trình hành động quốc gia PBGDPL và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho nhân dân ở xã, phường, thị trấn từ năm 2005 đến năm 2010 (chương trình 212) và Quyết định số: 28/2006/QĐ-TTg ngày 28/01/2006 phê duyệt 4 đề án chi tiết thuộc chương trình 212.

- Bộ Tài chính ban hành Thông tư số: 63/2005/TT-BTC ngày 05/8/2005 hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí đảm bảo cho công tác PBGDPL

- Ngày 12/3/2008, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg phê duyệt chương trình PBGDPL từ năm 2008 đến năm 2012.

1.3. Vai trò của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền

Phổ biến, giáo dục pháp luật có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống xã hội nói chung và trong quản lý nhà nước nói riêng.

- Phổ biến, giáo dục pháp luật tác động vào ý thức của đối tượng..
- Phổ biến, giáo dục pháp luật là một bộ phận quan trọng trong giáo dục chính trị tư tưởng:
- Giáo dục ý thức pháp luật và đạo đức.
- PBGDPL là khâu đầu tiên trong quá trình triển khai thực hiện pháp luật.
- Phổ biến, giáo dục pháp luật là yêu cầu của nền pháp chế và xây dựng nhà nước pháp quyền.

Kết luận chương 1

Trên đây là những vấn đề lý luận cơ bản về PBGDPL nói chung và PBGDPL cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc miền núi của nước ta hiện nay. Từ những phân tích nêu trên có thể rút ra một số nhận định cơ bản sau:

- PBGDPL là một hoạt động có định hướng, có tổ chức nhằm cung cấp tri thức pháp luật, bồi dưỡng tình cảm và và hành vi hợp pháp cho đối tượng PBGDPL nhằm nâng cao ý thức pháp luật đúng đắn thói quen hành động phù hợp với các quy định của pháp luật. Từ đó tạo ra một trật tự xã hội:

"Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật", không ngừng tăng cường pháp chế XHCN cho vùng dân cư nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số.

- PBGDPL là quá trình nhằm nâng cao dân trí pháp lý, vì vậy để đạt được mục đích đó thì chủ thể PBGDPL phải tìm hiểu, nghiên cứu các đối tượng GDPL để áp dụng hình thức và phương pháp PBGDPL phù hợp nhằm mang lại hiệu quả cao, vì thế khi tiến hành PBGDPL phải phân loại đối tượng, đặc biệt là người dân ở nông thôn và đồng bào các dân tộc ít người thì phải có phương pháp PBGDPL phù hợp, dễ nhớ, dễ hiểu tránh lấy tư duy vòng vo trừu tượng.

- Khi PBGDPL cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số phải chú trọng đến đặc điểm đối tượng, chủ thể GDPL lựa chọn nội dung pháp luật nào phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội ở địa phương, ưu tiên cho việc tuyên truyền PBGDPL đối với những lĩnh vực nào mang tính chất cấp bách, thời sự liên quan đến đời sống hàng ngày của họ.

Những nội dung cơ bản được phân tích ở chương 1 sẽ là cơ sở, là sợi chỉ xuyên suốt cho việc phân tích đánh giá thực trạng và phương hướng hoàn thiện công tác PBGDPL người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số được trình bày ở những chương tiếp theo.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI DÂN NÔNG THÔN VÀ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

2.1. Thực trạng công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta trong thời gian qua

Công tác PBGDPL là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đảng, Nhà nước nhằm từng bước nâng cao dân trí pháp luật, nâng cao năng lực áp dụng đúng pháp luật, xác lập kỷ cương, phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Với sự nỗ lực và cố gắng của chính quyền các cấp, các ngành, đoàn thể, công tác PBGDPL cho người dân nói chung, người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng trong những năm qua đã có những chuyển biến tích cực, góp phần xây dựng ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật của cán bộ và nhân dân.

Xuất phát từ tình hình thực tiễn trong quá trình lãnh đạo và quản lý đất nước, nhiều văn bản pháp luật quan trọng trên nhiều lĩnh vực được Nhà nước ban hành, nhằm xác lập các cơ sở pháp lý phục vụ quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước.

Đại hội IX của Đảng đã khẳng định: "Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật". Hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước ta hiện nay bao gồm rất nhiều nội dung về tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước. Để nhận thức được các nội dung của hệ thống luật là cả một quá trình không đơn giản, không dễ dàng đối với các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số đồng bào vùng biên giới.

Nghị quyết liên tịch số 01/1999/NQLT/TP-VHTT-NNPTNT-DTMN-ND ngày 07/9/1999 giữa Bộ Tư pháp - Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Ủy ban Dân tộc và Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở nông thôn, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số là cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác này..

Nông dân và đồng bào dân tộc thiểu số đa phần có trình độ dân trí thấp, lại ít được tiếp xúc với thông tin, pháp luật nên hiểu biết về pháp luật còn hạn chế. Nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của công tác PBGDPL cho người dân khu vực này, liên Bộ Tư pháp - Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Ủy ban Dân tộc và Trung ương Hội Nông dân Việt Nam đã ban hành Thông tư liên tịch 01/1999. Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết liên tịch 01 đã có những chuyển biến tích cực trong nhận thức, thực hiện pháp luật của người dân nông thôn.

Về cơ bản, công tác PBGDPL đáp ứng yêu cầu của thực tế, được các địa phương hoan nghênh; đã và đang là cơ sở để các cấp, các ngành đẩy mạnh công tác PBGDPL cho các đối tượng, hướng công tác PBGDPL về cơ sở. Nghị quyết liên tịch số 01 đã được các địa phương triển khai thực hiện có nền nếp, thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm hơn trước; huy động được sự phối kết hợp của nhiều cấp, nhiều ngành, đặc biệt là ngành Tư pháp, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc và Hội Nông dân. Lãnh đạo các cấp, các ngành đã ngày càng quan tâm đến việc nâng cao hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật cho nông dân và đồng bào dân tộc thiểu số.

Kết quả cụ thể như sau:

- Ở các tỉnh phía Bắc:

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở nông thôn, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, tại khu vực phía Bắc, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các đơn vị chức năng triển khai việc tuyên truyền phổ biến, giáo dục văn hóa, pháp luật bằng nhiều hình thức, góp phần đẩy mạnh phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hóa, làng bản, buôn ấp văn hóa, gắn vai trò của già làng, trưởng bản trong việc vận động nhân dân sống và làm việc theo pháp luật.

- Tại các tỉnh Miền Trung:

Thực hiện Nghị quyết liên tịch số 01/1999/NQLT/TP-VHTT-NNPTNT-DTMN-ND về phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở nông thôn, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực Miền trung Tây nguyên từ Nghệ An đến Bình Thuận. Với vai trò là cơ quan thường trực thực hiện Nghị quyết liên tịch số 01, Bộ Tư pháp đã biên soạn hơn 50 đầu tài liệu tuyên truyền, 7 đầu sách hỏi đáp pháp luật và được dịch ra 10 thứ tiếng dân tộc khác nhau; hơn 200 đề cương tuyên truyền các nội dung pháp luật. 10 năm qua, Bộ Tư pháp đã chỉ đạo điếm, hỗ trợ kinh phí xây dựng 31 câu lạc bộ "Nông dân với pháp luật"; 26 câu lạc bộ "Phụ nữ với pháp luật"; 63 câu lạc bộ "Tuổi trẻ phòng chống tội phạm"... tại 63 tỉnh, thành phố, phần lớn các câu lạc bộ này nằm ở nông thôn và miền núi.

- Ở Miền nam:

Bình Phước cũng tập trung tổ chức các buổi triển khai luật cho cán bộ, người có uy tín vùng dân tộc thiểu số, nhằm tạo ra đội ngũ tuyên truyền pháp luật tại địa phương. Bên cạnh đó, Trung tâm TGPL tỉnh cũng thành lập 10 CLB TGPL ở các xã vùng sâu, vùng xa để TGPL và cung cấp văn bản pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên, đưa pháp luật về gần với cuộc sống của người dân hơn.

2.2. Đánh giá thực trạng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người nông dân thôn và đồng bào dân tộc thiểu số trong thời gian qua

2.2.1. Ưu điểm

Công tác PBGDPL cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta trong thời gian qua đã đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận.

Từng bước đã tạo được sự chuyển biến căn bản trong việc nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng pháp luật và chấp hành pháp luật của người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần giữ vững an ninh và trật tự- an toàn xã hội, nâng cao nền pháp chế XHCN trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay.

2.2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những tồn tại, hạn chế nêu trên. Trong đó có thể nêu lên một số nguyên nhân cơ bản sau:

Thứ nhất, là sự kết hợp thiếu nhuần nhuyễn, kết nối giữa các ngành tư pháp, văn hóa, nông nghiệp và nông thôn, Ủy ban Dân tộc... trong việc triển khai Nghị quyết số 01 và các văn bản liên quan đến công tác PBGDPL. Tuy đã ký kết các kế hoạch song phương, đa phương song việc triển khai chưa thường xuyên, chặt chẽ, thiếu sự ràng buộc giữa các ngành trong sự ký kết. Mỗi ngành, mỗi địa phương đều có tổ công tác thực hiện Kế hoạch liên tịch song kế hoạch này còn nặng tính hình thức, chưa chủ động, quan tâm đến việc tổ chức chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan hữu quan để triển khai.

Thứ hai, là nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, một số bộ, ngành, địa phương và nhận thức chung của xã hội về công tác PBGDPL chưa thực sự đầy đủ và tương xứng với vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác này. Vì vậy, sự đầu tư cho công tác PBGDPL chưa được chú ý đúng mức về cả nhân lực, vật lực, thời gian và phương pháp.

Thứ ba, trong điều kiện pháp luật được ban hành ngày càng nhiều, với nội dung đa dạng, phức tạp, điều chỉnh nhiều loại quan hệ của đời sống xã hội phục vụ tiến trình đổi mới đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, công tác PBGDPL vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu bức thiết của tình hình mới.

Thứ tư, đội ngũ cán bộ bán chuyên trách làm công tác PBGDPL (báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên...) ở nhiều nơi còn thiếu về số lượng, trình độ chuyên môn còn hạn chế và chưa đồng đều, đặc biệt là cơ sở ở những vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

Thứ năm, trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền, hội nhập kinh tế quốc tế, việc Tuyên truyền PBGDPL cho các đối tượng được thụ hưởng đặc biệt là người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số là một

nhu cầu rất lớn và có tính thời sự cao nhưng thời gian qua hoạt động này chưa thực sự phát huy được hiệu quả.

Thứ sáu, cơ chế phối hợp giữa giữa giữa các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong PBGDPL còn nhiều bất cập, đôi khi dẫn đến sự chông chéo hoặc ngược lại tồn tại những "khoảng trống" trong PBGDPL và chưa có biện pháp hiệu quả để khắc phục.

Thứ bảy, kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc dành cho công tác PBGDPL nhìn chung còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác này, nhất là ở địa phương, cơ sở, bộ, ngành và những địa bàn kinh tế, xã hội khó khăn. Một số địa phương tuy được phân bổ kinh phí nhưng lại chi phí vào những việc khác.

2.2.3. Bài học kinh nghiệm

Thực tế cho thấy ở đâu có sự quan tâm chỉ đạo đúng mức của các cấp Ủy đảng, chính quyền địa phương thì ở đó mọi công tác đều đạt được kết quả tốt. Do vậy đòi hỏi phải có sự thống nhất trong công tác lãnh đạo của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, nêu cao vai trò của cán bộ đảng viên nhằm phát huy sức mạnh tập thể, tính sáng tạo, tính tiên phong của Đảng, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, tạo khí thế cho phong trào quần chúng, cán bộ và nhân dân trong tìm hiểu pháp luật.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của các thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp. Ngành Tư pháp - cơ quan thường trực của Hội đồng này phải chủ động phối hợp với các ngành là thành viên như: Hội Nông dân, Hội Liên Hiệp phụ nữ. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh... vận dụng những hình thức, phương pháp thích hợp để PBGDPL đến người dân.

Chọn điểm làm tốt để phát triển, nhân ra diện rộng trong đó chú trọng khâu bồi dưỡng, đào tạo tập huấn kiến thức pháp luật cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, hòa giải viên nhất là cán bộ dân tộc thiểu số ở cơ sở nhằm từng bước nâng cao kỹ năng cho các chủ thể này.

Hàng năm xây dựng kế hoạch sử dụng kinh phí và kế hoạch PBGDPL cụ thể, sát với thực tiễn của địa phương và nghiêm túc triển khai thực hiện nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

Làm tốt nhiệm vụ giám sát công tác PBGDPL tại địa phương. Định kỳ kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện nhằm rút ra bài học kinh nghiệm để từng bước đổi mới cả về nội dung và hình thức, phương pháp tuyên truyền. Gắn việc PBGDPL với việc tuyên truyền thực hiện các Dự án phát triển kinh tế-xã hội của địa phương; các giải pháp thực hiện phải phù hợp với đối tượng đồng bào các dân tộc thiểu số ở nông thôn, miền núi. Đánh giá đúng nhu cầu tìm hiểu pháp luật của cán bộ và nhân dân địa phương cũng như nhu cầu điều chỉnh pháp luật tại địa phương để có bước đi thích hợp.

Thực hiện chế độ động viên, khen thưởng kịp thời những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phổ biến GDPL.

Bổ trí kinh phí thường xuyên đáp ứng được yêu cầu và tầm quan trọng của cho công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật.

Kết luận chương 2

Như vậy, từ cái nhìn từ tổng quan đến một số điển hình về thực trạng GDPL cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số các dân tộc ít người ở nước ta thời gian qua và hiện nay cho thấy:

- Đặc điểm, điều kiện chính trị - kinh tế - xã hội và ảnh hưởng của nó đến GDPL nói chung và nhân dân các dân tộc nói riêng là một thực tế khách quan, thực tế điều kiện tự nhiên xã hội đó cần phải được nghiên cứu đánh giá đúng đắn những khó khăn và thuận lợi để từ đó tìm biện pháp khắc phục trong khi tiến hành GDPL.

- Các yếu tố về điều kiện tự nhiên, cơ cấu xã hội, thành phần dân tộc và tình hình chính trị ở là những đặc điểm riêng của địa phương. những đặc điểm đó có những thuận lợi và khó khăn nhất định, vì thế cần có sự nỗ lực khắc phục khó khăn vươn lên mọi mặt, đồng thời cần sự hỗ trợ giúp đỡ, chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương để thực hiện tốt công tác PBGDPL người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số trên phạm vi cả nước ta.

- Việc đánh giá thực trạng PBGDPL cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số thời gian qua và trong giai đoạn hiện nay đòi hỏi phải hết sức khách quan và chính xác từ đó để tìm ra những nguyên nhân tồn tại làm cơ sở cho việc tìm ra phương hướng và giải pháp cơ bản để tăng cường hơn nữa PBGDPL cho đối tượng đã nêu trên.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN CỦA VIỆC TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI NÔNG DÂN NÔNG THÔN VÀ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở NƯỚC TA

3.1. Yêu cầu đối với việc tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số

- Phải đáp ứng yêu cầu chung và yêu cầu đối với người làm công phổ biến, giáo dục pháp luật (đã nêu ở phần lý luận)

- PBGDPL phải gắn với giáo dục đạo đức, văn hóa truyền thống và bồi dưỡng ý thức tự nguyện, tự giác tìm hiểu pháp luật trong người dân.

- Đầu tư hợp lý, hiệu quả các phương tiện, điều kiện phục vụ và hình thức PBGDPL, kết hợp hài hòa giữa các hình thức PBGDPL truyền thống và những hình thức mới đang được áp dụng hiệu quả trong thực tiễn; lựa chọn nội dung phù hợp với từng đối tượng, địa bàn.

3.2. Phương hướng cụ thể đối với việc tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số

- Xây dựng, hoàn thiện thể chế về công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số..

- Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật

- Phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ, thực hiện nghiêm túc giáo dục công dân trong nhà trường

- Đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất cho công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phát huy sức mạnh, tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát; định kỳ sơ kết, tổng kết việc tổ chức thực hiện kế hoạch

3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người nông dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta trong thời gian tới

Qua nghiên cứu lý luận và tìm hiểu thực tiễn công tác PBGDPL, bản thân tôi đã rút ra một số biện pháp tuyên truyền hiệu quả đối với địa bàn nông thôn và miền núi,

Căn cứ và đặc điểm tình hình của từng địa phương, những ưu điểm của các hình thức PBGDPL, các cấp chính quyền có thể vận dụng kết hợp những hình thức PBGDPL sau đây:

- Phổ biến giáo dục pháp luật bằng hình thức tuyên truyền miệng.

- Phổ biến giáo dục pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng

- Phổ biến giáo dục pháp luật thông qua công tác hòa giải ở cơ sở

- Phổ biến giáo dục pháp luật thông qua việc thực hiện hương ước, quy ước tại cộng đồng dân cư.

- Phổ biến giáo dục pháp luật thông qua luật tục, phong tục tập quán.

- Phổ biến giáo dục pháp luật thông qua hoạt động của các luật sư, luật gia

- Phổ biến giáo dục pháp luật thông qua hoạt động xét xử của tòa án

- Phổ biến giáo dục pháp luật thông qua trợ giúp pháp lý.

- PBGDPL thông qua việc xây dựng tủ sách pháp luật ở cơ sở.

KẾT LUẬN

Như vậy, dù dưới góc độ lý luận hay thực tiễn như đã đề cập ở chương 1 và chương 2 của luận văn, một lần nữa cho chúng ta thấy được tầm quan trọng của công tác PBGDPL cho người dân nói chung, người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng. Đặc biệt là trong sự nghiệp đổi mới đất nước với chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN. Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn luôn coi trọng công tác DGPL cho nhân dân, đây là một nhiệm vụ chính trị cực kỳ quan trọng nhằm không ngừng nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân.

PBGDPL góp phần to lớn trước hết vào việc hình thành nhân cách, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho sự nghiệp xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Cùng với giáo dục đạo đức, PBGDPL góp phần giúp con người đánh giá đúng các hiện tượng xã hội, hiện tượng pháp lý, tạo điều kiện cho cá nhân phát triển toàn diện trong xã hội hiện đại.

Vì vậy, bên cạnh việc xây dựng chiến lược phát triển hệ thống pháp luật, chúng ta cũng cần triển khai chiến lược xây dựng ý thức pháp luật và nền văn hóa pháp lý. Xây dựng ý thức và lối sống tuân theo pháp luật cho

người dân, trong đó phải đặc biệt quan tâm tới các đối tượng đặc biệt như người dân nông thôn, người dân tộc thiểu số ...

PBGDPL vừa mang tính cấp bách nhưng cũng là sự nghiệp lâu dài của Đảng và nhà nước ta. Sự nghiệp này cũng có những thuận lợi và khó khăn nhất định. Chúng ta có thuận lợi là Nhà nước ta là nhà nước dân chủ của dân, do dân, vì dân, tất cả chức năng, nhiệm vụ mà Nhà nước thực hiện dưới sự lãnh đạo của Đảng là vì lợi ích của nhân dân, do vậy đa số nhân dân tin tưởng và làm theo chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Góp phần xây dựng thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN.

Tuy nhiên, nước ta đi lên XHCN từ nền kinh tế nông nghiệp với điểm xuất phát thấp, sự phát triển kinh tế không đồng đều giữa các vùng miền dẫn đến sự phân hóa giàu nghèo rõ rệt. Trình độ dân trí của nhân dân cũng có sự chênh lệch rất lớn, trong khi người dân thành thị được tiếp cận với nền giáo dục hiện đại cũng như các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến thì ở nhiều vùng dân tộc thiểu số còn phải tăng cường công tác xóa mù chữ, phổ cập tiểu học cho người dân. Bên cạnh đó, ý thức pháp luật của người dân chưa thực sự tự giác, việc tìm hiểu nghiên cứu pháp luật người dân thực hiện một cách bị động, nghĩa là khi nào quyền lợi bị xâm phạm mới tìm đến cơ quan pháp luật hoặc các dịch vụ pháp lý để tìm được sự bảo vệ hợp pháp; còn một số phần tử phản cách mạng âm mưu chống phá sự nghiệp của Đảng và Nhà nước ta, một số ít do bị dụ dỗ, ép buộc và xúi giục mà tập hợp lực lượng nhằm lật đổ chính quyền trong đó có đối tượng người dân tộc thiểu số... Đó là những điểm chúng ta cần lưu ý khi xây dựng chiến lược PBGDPL cho các đối tượng khác nhau.

Đối với công tác PBGDPL cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta trong thời gian tới cần phát huy những kết quả đã đạt được, từ những bài học kinh nghiệm của 10 năm thực hiện Thông tư số 01 để xây dựng kế hoạch cụ thể, sát thực với thực tiễn của từng địa phương để mang lại hiệu quả cao nhất.

Một lần nữa, tôi xin nhấn mạnh những đề xuất của mình nhằm thực hiện tốt công tác PBGDPL cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số trong những năm tiếp theo như sau:

1. Nhất quán quan điểm chỉ đạo của Đảng và pháp luật Nhà nước trong việc tiếp tục tăng cường DGPL cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc

thiểu số. Đề nghị các cấp, các ngành phải nghiên cứu triển khai PBGDPL nghiêm túc và có hiệu quả nhằm nâng cao văn hóa pháp lý, đưa pháp luật đi vào cuộc sống của người dân, đáp ứng yêu cầu quản lý đất nước bằng pháp luật, tăng cường pháp chế, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

2. Xây dựng và từng bước hoàn thiện thể chế, pháp luật về PBGDPL.

3. Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức PBGDPL, đảm bảo sự kết hợp hài hòa giữa hình thức PBGDPL truyền thống và những hình thức mới đang áp dụng có hiệu quả trong thực tiễn, triển khai trên diện rộng những hình thức PBGDPL đạt hiệu quả cao; lựa chọn nội dung phù hợp với từng đối tượng, địa bàn. Tập trung tuyên truyền những văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống của người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ công tác PBGDPL tại vùng nông thôn và miền núi. Đặc biệt chú ý, ngoài việc bồi dưỡng về nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cần đào tạo tiếng dân tộc và những phong tục tập quán của địa phương trong PBGDPL. Tận dụng tối đa nguồn nhân lực tại địa phương, phát huy vai trò của già làng, trưởng thôn, bản trong công tác PBGDPL.

4. Kết hợp công tác PBGDPL với xóa nạn mù chữ ở những địa phương có nhu cầu, gắn với giáo dục đạo đức, văn hóa truyền thống tốt đẹp của người dân, rèn luyện ý thức tự giác tìm hiểu, chấp hành pháp luật của người dân. Công tác PBGDPL phải được tiến hành đồng bộ với cuộc vận động: "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"

5. Đảm bảo kinh phí từ ngân sách để thực hiện công tác PBGDPL. Xác định rõ khoản ngân sách hàng năm cho hoạt động này theo hướng tăng thêm để đáp ứng kịp thời về kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ công tác PBGDPL đặc biệt là những địa bàn xảy ra nhiều vi phạm pháp luật và những vùng có điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn.

6. Phát huy tối đa vai trò, nâng cao ý thức trách nhiệm của Hội đồng phối hợp PBGDPL vốn là nơi tập trung sức lực và trí tuệ tập thể trong công tác này. Đặc biệt, ngành Tư pháp các cấp với tư cách là cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL có trách nhiệm tham mưu cho chính quyền cấp mình chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi và tổng kết công tác PBGDPL tại địa phương.